

Họ và tên:..... Lớp: .....



# ÔN TẬP LỚP 5



## Bài 82. Em làm được những gì?

1 Đúng ghi [Đ], sai ghi [S].

a) Từ năm 1945 đến nay đã hơn ba phần tư thế kỉ.

☐

b) 6 ngày 10 giờ = 1 tuần.

☐

c) 1,5 phút = 90 giây.

☐

2 Đặt tính rồi tính.

a) 9 năm 4 tháng + 2 năm 8 tháng

b) 21 ngày 17 giờ – 6 ngày 3 giờ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

c) 5 giờ 14 phút × 5

d) 39 phút 12 giây : 4

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

3 Tính.

a) 5 ngày 8 giờ × 3 – 2 ngày 4 giờ

b) 9 giờ 12 phút : 4 +  $\frac{7}{10}$  giờ

= .....

= .....

= .....

= .....

4 Số?

Sơn dọn dẹp bàn ăn và rửa chén, đĩa trong 22 phút. Biết thời gian dọn dẹp ít hơn thời gian rửa chén, đĩa là 8 phút. Sơn đã rửa chén, đĩa trong ..... phút.

## Bài 83. Vận tốc

5) Viết vào chỗ chấm.

a) Gọi  $t$  là thời gian đi hết quãng đường có độ dài  $s$  với vận tốc  $v$ .

Công thức tính vận tốc:

$$v = \dots\dots\dots$$

b) Để tính vận tốc theo đơn vị km/giờ thì:

– Đơn vị của quãng đường phải biểu thị theo .....

– Đơn vị của thời gian phải biểu thị theo .....

6) Một xe máy đi quãng đường dài 24 km trong 24 phút. Hỏi vận tốc của xe máy đó là bao nhiêu ki-lô-mét trên giờ?



Bài giải

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

7) Trong 1 phút 15 giây, con chim bay được 2 400 m. Hỏi vận tốc của con chim là bao nhiêu mét trên giây?



Bài giải

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

8) Số?

Lúc 7 giờ 52 phút, Dũng xuất phát từ nhà bằng xe đạp để tới nhà bà ngoại. Dọc đường, bạn dừng lại 5 phút để mua bánh mì và tới nhà bà ngoại lúc 8 giờ 15 phút. Biết quãng đường Dũng đã đi dài 4,5 km. Dũng đã đạp xe với vận tốc ..... km/giờ.



## Bài 84. Quãng đường

- 1 Viết vào chỗ chấm.

Gọi  $t$  là thời gian đi hết quãng đường có độ dài  $s$  với vận tốc  $v$ .

Công thức tính quãng đường:

$$s = \dots\dots\dots$$

- 2 Con ốc sên bò hết một đoạn đường trong 20 phút. Biết vận tốc của ốc sên là  $\frac{1}{60}$  m/giây. Hỏi đoạn đường đó dài bao nhiêu mét?

Bài giải

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- 3 Từ nhà Tuấn, đi qua trường học thì sẽ đến nhà Loan. Hằng ngày, Tuấn đi từ nhà đến trường hết 12 phút, Loan đi từ nhà đến trường hết 15 phút. Vận tốc của Tuấn và Loan lần lượt là 4 km/giờ và 4,4 km/giờ. Tính độ dài quãng đường từ nhà Tuấn đến nhà Loan.

Bài giải

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

## Bài 85. Thời gian

### 4 Viết vào chỗ chấm.

Gọi  $t$  là thời gian đi hết quãng đường có độ dài  $s$  với vận tốc  $v$ .

Công thức tính thời gian:

$$t = \dots\dots\dots$$

- 5 Một chiếc xuồng máy chạy trên sông với vận tốc 18 km/giờ. Hỏi xuồng máy đó chạy quãng đường sông dài 6 km trong bao nhiêu phút?



Bài giải

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### 6 Số?

Quãng đường từ nhà Hương đến trường dài 2,4 km.

- a) Nếu Hương đi bộ từ nhà đến trường với vận tốc 4 km/giờ thì sau ..... phút sẽ đến nơi.
- b) Nếu anh Hai đưa Hương tới trường bằng xe đạp với vận tốc 16 km/giờ thì sẽ tới trường sau ..... phút.

## Bài 86. Em làm được những gì?

### 7 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

- a) Muốn tính quãng đường, ta lấy vận tốc nhân với thời gian. ☐
- b) Muốn tính vận tốc, ta lấy quãng đường nhân với thời gian. ☐
- c) Muốn tính thời gian, ta lấy quãng đường chia cho vận tốc. ☐

### 8 Số?

|   |          |                |                      |
|---|----------|----------------|----------------------|
| s | ..... m  | 1,8 km         | 36 000 m             |
| v | 5 m/giây | ..... m/giây   | 24 km/giờ            |
| t | 1,5 phút | 3 phút 20 giây | ..... giờ ..... phút |